TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 34/2020/QĐST- DS	*Ô , ngày 25 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 122/2019/TLST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Nguyên đơn: Ông **Phan Văn Q**, sinh năm 1971.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1960.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1972

- Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm: 1959 (Vợ ông Nguyễn Văn N)

Tất cả các đương sự đều cư trú tại : Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Theo bản trích đo địa chính ngày 12/3/2019 và Văn bản xác định diện tích số 28/TTKTTNMT-KTNV ngày 13/02/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài Nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thể hiện phần đất đang tranh chấp giữa ông Phan Văn Q và Ông Nguyễn Văn N tại vị trí (A) có tổng diện tích là 149.8m^2 loại đất ODT, thuộc thửa 742, tờ bản đồ 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01440 do Ủy ban nhân dân quận Ô cấp ngày 31/8/2006 ông Nguyễn Văn N đứng tên sử dụng (Trong đó: Diện tích đường bê tông là 19,4 m^2, phần đất

phía trên đường bê tông diện tích là 93.4 m^2 và phần đất cặp rạch Tầm Vu là 37.0 m^2, ông Phan Văn Q đang sử dụng):

+ Ông Phan Văn Q và bà Huỳnh Thị H được tiếp tục ổn định sử dụng và đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất tại vị trí (A) phía trên đường bê tông có diện tích là 93.4 m^2 và phần đất cặp rạch Tầm Vu là 37.0 m^2, tổng cộng là 130.4m^2 loại đất ODT.

+ Ngược lại, Ông Q phải có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 10.000.000 đồng (Ông Q đã thực hiện xong).

+ Ông N có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01440 do Ủy ban nhân dân quận Ô cấp ngày 31/8/2006 cho ông Q để ông Q thực hiện nghĩa vụ đăng ký đối với phần đất được công nhận nêu trên theo quy định chung của pháp luật. Đồng thời, ông N có nghĩa vụ đăng ký chỉnh lý biến động lại quyền sử dụng đất theo thực tế sử dụng phần còn lại thể hiện tại bản trích đo địa chính ngày 12/3/2019 và Văn bản xác định diện tích số 28/TTKTTNMT-KTNV ngày 13/02/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài N và Môi trường thành phố Cần Thơ sau khi trừ ra phần đất được công nhận cho ông Q tại vị trí (A) nêu trên. (kèm theo các trích đo địa chính nêu trên)

- Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: 150.000 đồng, mỗi bên chịu 75.000 đồng.

Nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 001496 ngày 13/10/2017. Sau khi khấu trừ, ông Q được nhận lại 225.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô.

Phần án phí của Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được xét miễn án phí theo quy định chung của pháp luật, nên ông không phải nộp

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: 7.000.000 đồng. N đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong. N đơn được nhận lại 4.000.000 đồng (N đơn đã nhận xong)

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Tp Cần Thơ;
-VKSND quận Ô;
-Chi cục THADS quận O;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Đã ký

Trần Văn Mẫn